TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-11-2018
V/v ly hôn giữa
chị M và anh Á

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Bà Trần Thị Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Tuyết M, sinh năm 1981. Địa chỉ: Xóm 11, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định

- *Bị đơn*: Anh Trần Ngọc Á, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm 11, xã HA, huyện HH, tinh Nam Định.

- *Người làm chứng*: Vợ chồng ông Trần Xuân V, sinh năm 1941 và bà Trần Thị D, sinh năm 1944. Địa chỉ: Xóm 11, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị M, ông V, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Á vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/4/2018, bản tự khai ngày 03/7/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Tuyết M trình bày:

Chị Đỗ Tuyết M đăng ký kết hôn với anh Trần Ngọc Á ngày 01-9-2000 tại Uỷ ban nhân dân xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh Á, sau đó xây nhà ra ở riêng. Vợ chồng chung sống đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh Á không chăm lo đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau, anh Á còn sử dụng bạo lực đối với chị M, không tin tưởng chị M vì cho rằng chị M không chung thủy. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Á không còn nên làm đơn xin được ly hôn anh Á.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Trung An, sinh ngày 10/7/2001 và cháu Trần Nhật Anh, sinh ngày 06/7/2012. Hiện nay, cháu An đang ở với anh Á, cháu Anh đang ở với chị M. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Anh còn cháu An để anh Á nuôi dưỡng đến khi con thành niên, lao động tự lập được hoặc có tài sản để nuôi mình, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có một ngôi nhà hai tầng diện tích khoảng 100m^2 xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng của bố mẹ đẻ anh Á và đồ dùng sinh hoạt trong nhà gồm có 01 bộ bàn ghế, 01 kệ tivi, 03 giường, 01 tủ đứng. Ngoài ra, vợ chồng còn có 150.000.000đ gửi tiết kiệm và 05 cây vàng 24k. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng để lại nhà và đồ dùng sinh hoạt trong nhà cho anh Á, anh Á phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị M. Ngày 02 tháng 10 năm 2018, chị M có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành giải quyết về tài sản.

- Về công nợ: Vợ chồng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Trần Ngọc Á có lời khai phù hợp với lời khai của chị Đỗ Tuyết M về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuân, theo anh Á là do vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến xảy ra cãi

nhau, đồng thời do chị M này sinh mâu thuẫn với bố mẹ anh. Nay chị M làm đơn xin ly hôn, anh Á không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để đoàn tụ gia đình, vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh Á trình bày vợ chồng có hai con chung như chị M trình bày. Nếu ly hôn, anh Á có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Trần Trung An, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh Á có lời khai thống nhất với chị M về tài sản của hai vợ chồng. Sau khi được Tòa án tống đạt hợp lệ đơn yêu cầu không giải quyết về tài sản của chị M, anh Á không có ý kiến gì.

- Về công nợ chung: Anh Á xác nhận vợ chồng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, người làm chứng vợ chồng ông Trần Xuân V và bà Trần Thị D trình bày: Anh Á là con trai của ông V, bà D. Mâu thuẫn vợ chồng anh Á, chị M là có thật, việc chị M xin ly hôn anh Á đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông V, bà D đều công nhận vợ chồng anh Á, chị M xây dựng nhà hai tầng trên đất thuộc quyền sử dụng của ông bà. Sau khi được Tòa án tống đạt hợp lệ Đơn yêu cầu không giải quyết về tài sản của chị M, ông V, bà D không có ý kiến gì.

Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử , các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, anh Á, ông V, bà D.

Về nội dung, đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ly hôn giữa chị M và anh Á. Về con chung: giao con chung là cháu Trần Nhật Anh, sinh ngày 06/7/2012 cho chị M nuôi dưỡng và con Trần Trung An, sinh ngày 10/7/2001 cho anh Á nuôi dưỡng đến khi con thành niên, lao động tự lập được

hoặc có tài sản để nuôi mình, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Do chị M không yêu cầu, anh Á, ông V, bà D không có ý kiến gì nên không xem xét giải quyết. Về công nợ: Anh Á, chị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm, buộc chị M phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Tuyết M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Ngọc Á được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh Á là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Tuyết M và anh Trần Ngọc Á là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 01-9-2000. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình, quan điểm sống không hợp dẫn đến không thể thông cảm và chia sẻ được với nhau, thường xuyên xô xát, cãi nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Á, chị M được bố mẹ anh Á và chính quyền địa phương xác nhận là có thật. Do chị M, anh Á đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Á.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M, anh Á đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị M để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị M, anh Á có 02 con chung là cháu Trần Trung An, sinh ngày 10/7/2001 và cháu Trần Nhật Anh, sinh ngày 06/7/2012. Hiện nay, cháu An đang ở với anh Á, cháu Anh đang ở với chị M. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Anh còn cháu An để anh Á nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; anh Á có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu An, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu An đã 17 tuổi, cháu An cũng có nguyện vọng xin được ở với anh Á. Như vậy, xét

nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của các bên và nguyện vọng của con chung thì thấy tiếp tục giao cháu An cho anh Á nuôi dưỡng, cháu Anh cho chị M nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Do chị M không yêu cầu giải quyết về tài sản, anh Á không có ý kiến gì nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản.

[6] Về công nợ: Chị M, anh Á đều xác định không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Tuyết M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Tuyết M và anh Trần Ngọc Á.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Trung An, sinh ngày 10/7/2001 cho anh Trần Ngọc Á và cháu Trần Nhật Anh, sinh ngày 06/7/2012 cho chị Đỗ Tuyết M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị M, anh Á không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau mà có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở quyền thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Tuyết M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000052 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Đỗ Tuyết M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Anh;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thung